



HUỶNH VĂN SƠN (Tổng Chủ biên)
ĐỖ CÔNG NAM – PHẠM MẠNH THẮNG (đồng Chủ biên)
NGUYỄN DUY DŨNG – NGUYỄN NGỌC HOA ĐĂNG – GIANG THIÊN VŨ

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

12



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



HỘI ĐỒNG QUỐC GIA THẨM ĐỊNH SÁCH GIÁO KHOA

Môn: Giáo dục kinh tế và pháp luật – Lớp 12

*(Theo Quyết định số 1882/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Chủ tịch: THÁI VĨNH THẮNG

Phó Chủ tịch: NGUYỄN THỊ KHƯƠNG

Ủy viên, Thư kí: NGUYỄN THỊ QUÝ

Các uỷ viên: ĐOÀN THỊ THOẠI – PHAN THỊ NHẬT TÀI

NGUYỄN BÍCH DIỆP – HOÀNG THỊ HỒNG HẠNH

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG – LÂM MINH PHỤC

Chân trời sáng tạo

HUYỀN VĂN SƠN (Tổng Chủ biên)

ĐỖ CÔNG NAM – PHẠM MẠNH THẮNG (đồng Chủ biên)

NGUYỄN DUY DŨNG – NGUYỄN NGỌC HOA ĐĂNG – GIANG THIÊN VŨ

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP
GIÁO DỤC KINH TẾ
VÀ PHÁP LUẬT

12

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH



YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Là kết quả mà học sinh cần đạt được về phẩm chất và năng lực sau mỗi bài học.



MỞ ĐẦU

Giới thiệu khái quát những nội dung cơ bản và tạo hứng thú để dẫn vào bài học mới.



KHÁM PHÁ

Tìm hiểu, khám phá kiến thức, hình thành năng lực qua các hoạt động đọc, quan sát, thảo luận,...



LUYỆN TẬP

Củng cố kiến thức và kỹ năng đã được khám phá, thực hành các hành động cơ bản có liên quan đến chủ đề/ bài học qua các tình huống, bài tập.



VẬN DỤNG

Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn qua hoạt động xây dựng dự án, bài viết ngắn, giải quyết tình huống,...



GHI NHỚ

Là những nội dung khái quát mà học sinh cần nhớ sau mỗi bài học.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật là môn học được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của học sinh ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT.

Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù. Nội dung chủ yếu của môn học là những kiến thức phổ thông, cơ bản về kinh tế và pháp luật. Từ đó, giúp học sinh vận dụng được kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý các hiện tượng, vấn đề, tình huống kinh tế và pháp luật trong cuộc sống. Những kiến thức này đảm bảo tính phù hợp về lứa tuổi, thiết thực đối với đời sống; giúp các em trong việc định hướng nghề nghiệp sau Trung học phổ thông theo học các ngành Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân, Kinh tế, Hành chính và Pháp luật,...

Sách **Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12** (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) gồm các chuyên đề: *Phát triển kinh tế và sự biến đổi văn hoá, xã hội; Một số vấn đề về Luật Doanh nghiệp; Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.* **Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12** với các nội dung gắn gũi, thiết thực, có tính ứng dụng cao, giúp tăng cường kiến thức về kinh tế, pháp luật; phát triển kỹ năng vận dụng kiến thức để giải quyết một số vấn đề thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu của các em.

Nội dung của sách bám sát chương trình môn học theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các chuyên đề được thiết kế đảm bảo tính khoa học, nhân văn, thực tế và hiện đại. Mỗi chuyên đề được thiết kế thành các hoạt động: **Mở đầu**, **Khám phá**, **Luyện tập** và **Vận dụng** giúp các em chiếm lĩnh được những kiến thức về kinh tế và pháp luật; có cơ hội trải nghiệm để phân tích, đánh giá các hiện tượng, xử lý các vấn đề, tình huống trong thực tiễn. Phần giải thích thuật ngữ ở cuối sách sẽ giúp các em hiểu rõ hơn về những từ ngữ được sử dụng trong các bài học.

Mong rằng sách **Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12** (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) sẽ là người bạn đắc lực, đồng hành cùng các em trên hành trình trở thành những công dân toàn cầu, có đủ trí tuệ, phẩm chất, năng lực để thực hiện hiệu quả trách nhiệm của mình trong công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập kinh tế quốc tế.

Chúc các em học tập hiệu quả.

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH	2
LỜI NÓI ĐẦU	3
CHUYÊN ĐỀ 1: PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ SỰ BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ, XÃ HỘI	5
CHUYÊN ĐỀ 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LUẬT DOANH NGHIỆP	16
CHUYÊN ĐỀ 3: VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ	31
GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ	43

Chạm trời sáng tạo

CHUYÊN ĐỀ 1

PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ SỰ BIẾN ĐỔI VĂN HOÁ, XÃ HỘI



Yêu cầu cần đạt

- Nêu được những biến đổi văn hoá, xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế.
- Chỉ ra được nguyên nhân của những biến đổi văn hoá, xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế.
- Biết đánh giá một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế xã hội nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội.
- Thực hiện được bài tập nghiên cứu về tác động tích cực hoặc tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội; giải pháp hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực.



MỞ ĐẦU

Phát triển bền vững đã trở thành mục tiêu của nhiều quốc gia trên thế giới. Việt Nam đã lựa chọn chiến lược phát triển bền vững là một đòi hỏi tất yếu khách quan và coi đây là nội dung, yêu cầu xuyên suốt trong quá trình phát triển đất nước. Phát triển bền vững là tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hoà với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và bảo vệ môi trường bền vững. Chuyên đề này giúp các em hiểu rõ những tác động tích cực, tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội và một số chính sách, giải pháp hạn chế, khắc phục tác động đó.

► *Em hãy lấy một số ví dụ trong thực tiễn về sự biến đổi của đạo đức, lối sống, văn hoá do sự phát triển kinh tế mang lại*



1. Những biến đổi về văn hoá do tác động của sự phát triển kinh tế

a. Những biến đổi tích cực về văn hoá do tác động của phát triển kinh tế



Dựa vào các thông tin và hình ảnh trong bài, em hãy:

- Nêu những biến đổi tích cực của văn hoá do tác động từ sự phát triển kinh tế. Nêu những biểu hiện cụ thể của sự biến đổi đó.
- Kể thêm một số biến đổi tích cực về văn hoá do sự tác động của phát triển kinh tế ở nước ta.

Từ khi đổi mới đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đánh giá kết quả về những chuyển biến của văn hoá. Nhận thức về văn hoá, xã hội, con người ngày càng toàn diện, sâu sắc hơn. Các lĩnh vực, loại hình, sản phẩm văn hoá phát triển ngày càng đa dạng, đáp ứng nhu cầu mới, nhiều mặt của đời sống xã hội. Nhiều giá trị văn hoá truyền thống và di sản văn hoá được kế thừa, bảo tồn và phát huy. Văn hoá trong chính trị và trong kinh tế bước đầu được coi trọng và phát huy hiệu quả tích cực. Hoạt động giao lưu, hợp tác và hội nhập quốc tế về văn hoá khởi sắc. Phát triển toàn diện con người Việt Nam đang từng bước trở thành trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế – xã hội. Việc phê phán, đấu tranh, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái lạc hậu, chống các quan điểm, hành vi sai trái gây hại đến văn hoá, lối sống con người được chú trọng.

(Theo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, năm 2021)

Việt Nam đã chứng kiến một số biến đổi tích cực về văn hoá do tác động của sự phát triển kinh tế:

Tăng trưởng kinh tế góp phần xây dựng lối sống tích cực, tiến bộ của con người Việt Nam. Những giá trị bền vững, tinh hoa của quốc gia, dân tộc được kế thừa và phát huy như lòng yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức gắn kết cá nhân, cộng đồng,... Các phong trào từ thiện, tương thân tương ái, phong trào Mùa hè xanh của sinh viên tình nguyện, Hoa phượng đỏ của học sinh, Kì nghỉ hồng của cán bộ, công chức, viên chức, thanh niên công nhân, lao động trẻ,... nở rộ ở nhiều địa phương, đơn vị.

Tăng cường sự hiểu biết và truyền bá văn hoá Việt Nam: Phát triển kinh tế đã tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam để quảng bá và giới thiệu văn hoá truyền thống của mình ra thế giới. Số lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam cũng tăng lên, đồng thời việc sử dụng các phương tiện truyền thông và các nền tảng trực tuyến để giới thiệu văn hoá Việt Nam cũng được tăng cường.

Đi đôi với xu hướng toàn cầu hoá kinh tế, đạo đức, lối sống của người Việt có những thay đổi nhất định theo hướng tích cực. Sự mở rộng trong tầm nhìn và quan hệ xã hội khi mà người Việt và cộng đồng nơi họ sống trở nên mở lòng hơn với văn hoá và giá trị từ các quốc gia khác, biểu hiện qua số lượng người tham gia các hoạt động xã hội đa văn hoá và quốc tế. Sự tăng cường trong ý thức bảo vệ môi trường và phát triển bền vững khi mà người Việt bắt đầu quan tâm và tham gia hoạt động bảo vệ môi trường và sử dụng nguồn tài nguyên có trách nhiệm hơn, biểu hiện qua sự gia tăng trong việc tái chế và sử dụng nguồn năng lượng tái tạo.



Hình 1. Các đại biểu dự Diễn đàn quốc tế “Phụ nữ, Hoà bình và Phát triển”
 Nguồn: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam



Hình 2. Lễ hội Văn hoá dân gian Biển đảo Việt Nam và Lễ hội Biển Đồ Sơn năm 2023
 Nguồn: Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam



Hình 3. Tiết mục nghệ thuật được biểu diễn tại Chương trình “Giao lưu văn hóa Việt – Hàn”.
 Nguồn: Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam



Hình 4. Liên hoan phim Việt Nam lần thứ 22 được khai mạc ở thành phố Huế
 Nguồn: Cổng Thông tin điện tử Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

b. Những biến đổi tiêu cực về văn hoá do tác động của phát triển kinh tế

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy:

- Nêu những biến đổi tiêu cực về văn hoá do tác động của phát triển kinh tế và cho biết nguyên nhân dẫn đến những biến đổi đó.
- Kể thêm một số biến đổi tiêu cực về văn hoá do sự tác động của phát triển kinh tế ở nước ta.

Những biến đổi tiêu cực về văn hoá không chỉ là kết quả của sự tiến bộ kinh tế mà còn do sự tương tác phức tạp giữa nền văn hoá truyền thống và áp lực của quá trình toàn cầu hoá. Có thể đề cập một số biểu hiện biến đổi tiêu cực về văn hoá do tác động của phát triển kinh tế như sau:

Toàn cầu hoá sẽ dẫn đến nguy cơ du nhập ồ ạt văn hoá ngoại lai, lối sống thực dụng và các tư tưởng đi ngược lại các giá trị chân, thiện, mỹ. Hệ lụy của việc mất đi bản sắc văn hoá riêng gây bất ổn chính trị xã hội và trở thành yếu tố phản phát triển.

Tăng trưởng kinh tế cũng đang tác động rất mạnh đến văn hoá ở khía cạnh tiêu cực, mà trong đó sự lệch lạc về hệ giá trị là vấn đề lo ngại nhất. Thói vụ lợi và thực dụng đã làm cho nhiều người coi tiền bạc và địa vị là những giá trị đỉnh cao của đời sống. Do đó, họ đã không từ thủ đoạn để đạt bằng được những mục tiêu lệch lạc đó.

Nhiều thói quen trong nhận thức rất dễ bị thay đổi. Những chuẩn mực, giá trị văn hoá, đạo đức cũng có nguy cơ bị mai một. Con người trong cộng đồng, xã hội dần mất đi nét đẹp trong giao tiếp của “tình làng, nghĩa xóm”, thay vào đó là quan hệ công việc đơn thuần.

Sự xuất hiện ngày càng nhiều sản phẩm, dịch vụ văn hoá chất lượng thấp tác động tiêu cực đến thị hiếu thẩm mỹ, đe dọa việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, các giá trị đạo đức truyền thống, thẩm mỹ, nghệ thuật của dân tộc.

2. Những biến đổi về xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế

a. Những biến đổi tích cực về xã hội do tác động của phát triển kinh tế

Dựa vào thông tin trong bài, em hãy:

- Nêu những biến đổi tích cực của xã hội do tác động từ sự phát triển kinh tế. Nêu những biểu hiện cụ thể của sự biến đổi đó.
- Chỉ ra nguyên nhân của những biến đổi tích cực về xã hội trong bối cảnh phát triển kinh tế ở nước ta.

Việt Nam đã trải qua hơn 30 năm đổi mới và có những biến đổi đáng kể trong xã hội. Những biến đổi xã hội ở Việt Nam có thể trình bày trên một số vấn đề xã hội, hiện tượng xã hội như sau:

Biến đổi cơ cấu kinh tế trong nền kinh tế thị trường dẫn đến biến đổi cơ cấu xã hội. Đáng lưu ý là biến đổi cơ cấu xã hội ở Việt Nam cho thấy tính phong phú, đa dạng của sự kết hợp giữa lao động – nghề nghiệp, giới tính, lứa tuổi, thế hệ, dân tộc, tôn giáo, trong nước và ngoài nước. Quá trình toàn cầu hoá đã mang lại nhiều cơ hội cho tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, trong đó có tác động lớn đến các vấn đề về lao động như mở rộng việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển thị trường lao động, tăng thu nhập của người lao động trong nhiều khu vực, ngành nghề.

Sự tăng trưởng và phát triển kinh tế đã giúp cho Việt Nam xoá đói giảm nghèo thành công, đang ra sức khắc phục tái nghèo khổ, hướng tới tăng giàu, trung lưu hoá mức sống dân cư xã hội. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Tính đến tháng 12 – 2020, tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều ước giảm còn khoảng 2,75%, giảm 1% so với cuối năm 2019, Việt Nam về đích trước 10 năm so với Mục tiêu phát triển thiên niên kỉ, là một trong 30 quốc gia áp dụng chuẩn nghèo đa chiều, được cộng đồng quốc tế ghi nhận.

Việt Nam cũng hoàn thành các mục tiêu về giảm nghèo, y tế, giáo dục hoàn thành trước thời hạn, được đánh giá là điểm sáng. Phổ cập giáo dục đã hoàn thành trước thời hạn từ cấp mầm non đến trung học cơ sở; 63/63 tỉnh, thành phố hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học. Hệ thống y tế cơ sở được tăng cường, ưu tiên cho các huyện nghèo và các xã đặc biệt khó khăn, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên. Tỉ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ (đạt tỉ lệ từ 96% đến 98%), đến nay, tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt trên 90% dân số, vượt chỉ tiêu đề ra. Tỉ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn quốc gia ngày càng tăng, song vẫn còn nhiều thách thức để đạt được mục tiêu.

Chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng được mở rộng về đối tượng thụ hưởng với mức trợ cấp được nâng lên hằng năm; đã giải quyết xác nhận được trên 9,2 triệu người có công, trong đó số người có công đang được hưởng chế độ ưu đãi hằng tháng là gần 1,4 triệu người và trên 500 nghìn thân nhân người có công đang được hưởng trợ cấp tiền tuất hằng tháng.

Công tác trợ giúp xã hội từng bước chuyển sang hướng tiếp cận dựa trên quyền con người, lấy con người làm trung tâm. Diện đối tượng thụ hưởng trợ giúp xã hội được mở rộng và mức chuẩn trợ cấp xã hội được điều chỉnh tăng lên, tạo điều kiện và

cơ hội cho các đối tượng yếu thế ổn định cuộc sống. Số người hưởng chế độ trợ cấp xã hội hằng tháng bằng tiền mặt, tăng từ gần 1,7 triệu người năm 2011 (chiếm 1,9% dân số) lên hơn 2,9 triệu người năm 2019 (chiếm 3% dân số).

b. Những biến đổi tiêu cực về xã hội do tác động của phát triển kinh tế



Dựa vào thông tin trong bài, em hãy:

Cho biết sự phát triển kinh tế đã gây ra những biến đổi tiêu cực nào trong xã hội và chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi đó.

Cùng với sự thay đổi nhanh chóng về kinh tế, xây dựng hạ tầng cơ sở theo hướng hiện đại, văn minh, sự tiếp thu các giá trị văn hóa bên ngoài, trong lĩnh vực xã hội, Việt Nam đang đứng trước những tác động tiêu cực như:

Trong biến đổi cơ cấu xã hội còn có hiện tượng phân tầng xã hội. Nó bắt nguồn từ mức chênh lệch trong tiền lương, thu nhập. Trong xã hội, đã hình thành những nhóm giàu có, nhóm trung lưu khá giả, nhóm nghèo và nhóm đói nghèo.

Với tác động của kinh tế thị trường, lợi nhuận được đề cao, kiếm tiền và làm giàu có sức lôi cuốn, cá nhân được khẳng định nhưng cũng phát triển thái quá chủ nghĩa cá nhân vụ lợi, vị kỷ nên đời sống gia đình biến đổi rất nhanh, có không ít sự biến động và đảo lộn. Điều đó dẫn tới những gia đình không đầy đủ, tác động tiêu cực tới sự trưởng thành nhân cách, sự bình yên và hạnh phúc cuộc sống của trẻ em. Sự ràng buộc, cố kết các thành viên trong gia đình trở nên lỏng lẻo. Cuộc sống gia đình như là một tiểu môi trường văn hoá, nhất là văn hoá tinh thần, đạo đức, nơi trau dồi đạo đức, lối sống, hình thành nhân cách đang có khuynh hướng bị những cuốn hút kinh tế làm cho suy giảm.

Việc tăng trưởng kinh tế quá mức dẫn tới nảy sinh vấn đề xã hội. Một trong những điều đáng lo ngại là hiểm họa môi trường sinh thái, nguy cơ đe dọa an toàn xã hội. Đáng chú ý, do sự tập trung đầu tư cho sản xuất, ít chú ý đến kết cấu hạ tầng phục vụ dân sinh, nhất là trong xử lý chất thải ở đô thị đã dẫn đến tình trạng ô nhiễm nặng nề.

3. Một số giải pháp hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực của sự phát triển kinh tế đối với văn hoá, xã hội



Dựa vào thông tin trong bài, em hãy:

- Cho biết nước ta đã áp dụng các chính sách nào trong thực tế xã hội nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội.*
- Nhận xét về các chính sách mà nước ta đã áp dụng để giải quyết các tác động tiêu cực trong văn hoá, xã hội do tác động của phát triển kinh tế.*

Chính sách xã hội được coi là một bộ phận quan trọng trong hệ thống chính sách của Đảng và Nhà nước. Chính sách xã hội ở nước ta trong những năm qua ngày càng được hoàn thiện trở thành hệ thống chính sách hỗ trợ lẫn nhau trong góp phần tích cực trong việc nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Xoá đói, giảm nghèo là chủ trương lớn, quan trọng được Đảng, Nhà nước quán triệt và kiên trì thực hiện trong suốt nhiều năm qua. Thực hiện quan điểm nhất quán của Đảng về xoá đói, giảm nghèo, Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách quan trọng như Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025, thực hiện các chính sách đặc thù trên địa bàn các huyện nghèo, Chuẩn nghèo đa chiều tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện.

Thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng ta không ngừng bổ sung, phát triển đường lối xây dựng nền văn hoá mới phù hợp với tiến trình phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chính sách đầu tư cho phát triển văn hoá, từng bước đưa các ngành thông tin, truyền thông, báo chí, xuất bản phát triển; quan tâm, chú trọng các hoạt động sáng tác văn học, nghệ thuật; ngành điện ảnh, truyền hình không ngừng chuyển biến cả về chất và lượng; đội ngũ những người làm công tác văn hoá được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên. Nhiều chủ trương, chính sách, quy định pháp luật được ban hành đã tạo cơ sở chính trị – pháp lí và điều kiện để xây dựng con người. Nhiều chuẩn mực tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của con người thời đại Hồ Chí Minh đã được đưa vào một số văn bản pháp luật, vào quy ước, hương ước tại các làng, xã, vào quy định, nội quy của các cơ quan, đơn vị, tổ chức xã hội. Đẩy mạnh xây dựng môi trường văn hoá và đời sống văn hoá lành mạnh, gắn với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” và cuộc vận động: “Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Tăng cường phát triển du lịch, thương mại dịch vụ, trong đó đặc biệt chú trọng phát triển sản phẩm du lịch mang bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam. Có cơ chế, chính sách hợp lí để phát triển các ngành, nghề thủ công truyền thống.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nêu một số giải pháp theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam để hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội như sau:

Hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách đối với người có công trên cơ sở nguồn lực của Nhà nước và xã hội, bảo đảm người có công và gia đình có mức sống từ trung bình khá trở lên trong địa bàn cư trú.

Cải cách chính sách tiền lương theo hướng gắn với sự thay đổi của giá cả sức lao động trên thị trường, tương xứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế, tốc độ tăng năng suất lao động, bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động, tạo động lực nâng cao năng suất và hiệu quả. Chú trọng nâng cao phúc lợi xã hội, an sinh xã hội, cố gắng bảo đảm những nhu cầu cơ bản, thiết yếu của nhân dân về nhà ở, đi lại, giáo dục, y tế, việc làm,...

Phát triển thị trường lao động, hướng đến việc làm bền vững. Xác lập các nguyên tắc sử dụng và quản lý lao động phù hợp với sự phát triển của thị trường, xây dựng mối quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ.

Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, tiến tới bao phủ toàn dân với các chính sách phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro cho người dân, bảo đảm trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế.

4. Bài tập thực hành: bài tập nghiên cứu về tác động tích cực hoặc tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội; giải pháp hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực

Gợi ý:

I. Chuẩn bị báo cáo:

– Trao đổi, thảo luận để lựa chọn vấn đề nghiên cứu (chọn một trong các vấn đề: tác động tích cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội; tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội; giải pháp hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực).

– Sưu tầm thông tin, tư liệu, hình ảnh,... về vấn đề nghiên cứu (tác động tích cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội; tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội; giải pháp hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực).

– Lập đề cương báo cáo.

II. Yêu cầu về nội dung của báo cáo:

Báo cáo ngắn gọn về vấn đề nghiên cứu.

Gợi ý:

– Giới thiệu kết quả về những ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế làm biến đổi về văn hoá, xã hội.

– Trình bày và phân tích được những biến đổi tích cực/ tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội.

– Trình bày và phân tích được một số chủ trương, chính sách giúp hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội.

– Đề xuất một số giải pháp khắc phục, hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến hiện tượng văn hoá, xã hội được nghiên cứu.

– Kết quả nghiên cứu.

III. Gợi ý thu thập tài liệu:

– Tạp chí Cộng sản: <https://www.tapchicongsan.org.vn/>

– Tạp chí của Ban Tuyên giáo Trung ương: <https://www.tuyengiao.vn/>

– Tạp chí Giáo dục Việt Nam: <https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn/>

– Tạp chí Kinh tế và Dự báo: <https://kinhtevadubao.vn/>

– Trang thông tin điện tử tổng hợp Ban Kinh tế Trung ương: <http://kinhtetrunguong.vn/>



– Những biến đổi về văn hoá do sự phát triển kinh tế:

+ Những biến đổi tích cực về văn hoá do tác động của sự phát triển kinh tế:

- Sự phát triển của ngành công nghiệp giải trí và văn hoá;
- Sự thay đổi trong lối sống và sở thích văn hoá của người dân;
- Tăng cường sự hiểu biết và truyền bá văn hoá Việt Nam;
- Sự mở rộng trong tầm nhìn và quan hệ xã hội;
- Sự thay đổi trong quan niệm về giáo dục và học hỏi;
- Sự tăng cường trong ý thức bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

+ Những biến đổi tiêu cực về văn hoá do tác động của sự phát triển kinh tế:

- Sự gia tăng của văn hoá tiêu thụ;
- Mất mát về giá trị truyền thống;
- Hiện tượng mất cân bằng giữa giá trị văn hoá và áp lực tiêu thụ;
- Sự mất mát về đạo đức và giáo dục truyền thống;
- Tăng cường về cá nhân hoá và mất mát trong giao tiếp xã hội.

– Những biến đổi về xã hội do sự phát triển kinh tế:

+ Những biến đổi tích cực về xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế:

- Nâng cao mức sống và giảm đói nghèo;
- Phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo;
- Tăng cường giao thông và hạ tầng;
- Sự lan toả của văn hoá và giáo dục;
- Hệ thống y tế, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng được chú trọng.

+ Những biến đổi tiêu cực về xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế:

- Sự chênh lệch khoảng cách giàu – nghèo;
- Ô nhiễm môi trường;
- Gia tăng sự cạnh tranh trong xã hội.

– Một số biện pháp, chính sách áp dụng trong thực tế xã hội nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội:

+ Hoàn thiện và thực hiện tốt pháp luật, phát huy mặt tích cực và kiểm soát, hạn chế mặt tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá, xã hội.

+ Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo sự bứt phá; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

+ Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhân lực chất lượng cao của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế.

+ Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm thực chất, hiệu quả; phát triển nền kinh tế số; thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô.

+ Phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

+ Quản lí và sử dụng hiệu quả tài nguyên; tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.



LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

a. Quá trình toàn cầu hoá nền kinh tế đã làm suy giảm đạo đức, lối sống của người Việt Nam.

b. Quá trình toàn cầu hoá nền kinh tế đã làm tăng cơ hội du học và làm việc tại nước ngoài, từng bước nâng tầm vị thế của người Việt Nam trên quốc tế.

c. Tâm lí tự chủ, thực dụng, lối sống tư duy táo bạo, thích khám phá, dám nghĩ, dám làm trong khởi nghiệp và phát triển kinh tế là sự chuyển đổi mạnh trong lối sống của người Việt.

d. Chất lượng dân số của Việt Nam có dấu hiệu phát triển về thể lực, trí lực và tinh thần; nhất là năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

e. Nhờ chính sách mở cửa nền kinh tế, nhiều người dân có cơ hội làm việc tại nước ngoài và cũng gia tăng tình trạng xuất khẩu lao động trái phép.

g. Nguyên nhân làm thay đổi đạo đức, lối sống của người Việt trong bối cảnh toàn cầu hoá là sự tiếp thu không có chọn lọc các giá trị đạo đức, lối sống từ các sản phẩm của truyền thông và giải trí.

2. Em hãy tranh biện cùng bạn về các ý kiến sau:

a. Sự biến đổi trong lối sống và văn hoá ứng xử của người Việt không làm ảnh hưởng đến các giá trị truyền thống của địa phương.

b. Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, văn hoá đang chịu sự tác động trên cả hai phương diện tích cực và tiêu cực. Sự phát triển kinh tế không đi đôi với phát triển giáo dục.

3. Em hãy viết bài viết ngắn về một số biện pháp, chính sách đang áp dụng tại địa phương nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội.

4. Em hãy cùng bạn thực hiện bài tập nghiên cứu tác động tích cực hoặc tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hoá hoặc xã hội Việt Nam theo các gợi ý sau:

- Xác định chủ đề và nội dung nghiên cứu.
- Xây dựng kế hoạch nghiên cứu.
- Tìm kiếm, xử lý thông tin và phân tích dữ liệu.
- Bình luận và đề xuất giải pháp.
- Báo cáo và trình bày kết quả.



VẬN DỤNG

1. Em hãy tìm hiểu một số trường hợp về văn hoá, xã hội bị biến đổi do tác động của phát triển kinh tế ở Việt Nam và đề xuất giải pháp hạn chế, khắc phục những tác động tiêu cực đó.

2. Em hãy cùng bạn thực hiện nghiên cứu một trường hợp tại Việt Nam về những tác động của phát triển kinh tế đối với chất lượng dân số, giá trị văn hoá, đạo đức lối sống.

CHUYÊN ĐỀ 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LUẬT DOANH NGHIỆP



Yêu cầu cần đạt

- Nêu được khái niệm Luật Doanh nghiệp và nội dung cơ bản của Luật Doanh nghiệp.
- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm các quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Phân tích, đánh giá, tham gia tranh luận được một số vấn đề đơn giản thường gặp trong đời sống liên quan đến Luật Doanh nghiệp.
- Tích cực, chủ động vận động người khác thực hiện đúng Luật Doanh nghiệp; phê phán các hành vi vi phạm Luật Doanh nghiệp.



MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, hoạt động của doanh nghiệp đã có bước phát triển nhanh, số lượng các doanh nghiệp ngày càng gia tăng và khả năng cạnh tranh không ngừng được nâng cao là một tín hiệu đáng mừng cho nền kinh tế nước nhà. Nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ổn định và có điều kiện phát triển, Nhà nước đã ban hành Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022), điều chỉnh toàn diện các hoạt động của doanh nghiệp. Luật Doanh nghiệp ra đời tạo khung pháp lí cho hoạt động của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

► *Em hãy kể tên số loại hình doanh nghiệp mà em biết*



KHÁM PHÁ

1. Khái niệm Luật Doanh nghiệp



Dựa vào các thông tin và trường hợp trong bài, em hãy:

- Cho biết Luật Doanh nghiệp điều chỉnh các quan hệ xã hội nào.
- Chỉ ra hành vi vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp trong trường hợp dưới đây.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022) về phạm vi điều chỉnh, Luật Doanh nghiệp quy định về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp, bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân. Luật Doanh nghiệp có đối tượng áp dụng gồm: doanh nghiệp; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp.

Trường hợp

Chị B nộp hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp. Do có hiềm khích với chị B nên anh C là nhân viên phòng đăng ký kinh doanh đã không xử lý hồ sơ của chị. Vì đã đợi nhiều ngày mà không thấy hồ sơ của mình được giải quyết, chị B liên hệ với anh C thì được trả lời rằng hồ sơ của chị chưa đầy đủ. Tuy nhiên, khi kiểm tra lại thì chị thấy rằng hồ sơ của mình đã đúng theo quy định pháp luật.

2. Một số quy định cơ bản về quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp

?

Dựa vào các thông tin và trường hợp trong bài, em hãy:

Chỉ ra những hành vi thực hiện đúng và hành vi vi phạm quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp có các quyền, nghĩa vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật không cấm. Doanh nghiệp được quyền tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức, quy mô kinh doanh. Doanh nghiệp được lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn; tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và kí kết hợp đồng; tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động; chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp có nghĩa vụ đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng kí thay đổi nội dung đăng kí doanh nghiệp; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng kí doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp có nghĩa vụ bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật; không phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không ngược đãi lao động, cưỡng bức lao động hoặc sử dụng lao động

chưa thành niên trái pháp luật; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

Trường hợp 1

Công ty Cổ phần X kinh doanh trong lĩnh vực xuất – nhập khẩu. Nhiều năm nay, công ty luôn đi đầu trong việc ưu tiên bảo đảm quyền, lợi ích cho người lao động như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm. Tuy nhiên, gần đây công ty đã điều chỉnh một số chính sách làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của người lao động và gây ra tác động tiêu cực đối với cuộc sống và tinh thần của họ.

Trường hợp 2

Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên T kinh doanh nhóm ngành bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Trong quá trình hoạt động, công ty đã tiến hành sản xuất mỹ phẩm khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm. Công ty cũng chưa đảm bảo điều kiện về nhân sự và cơ sở vật chất để sản xuất mỹ phẩm. Theo quy định pháp luật, sản xuất mỹ phẩm thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Em cần biết



Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022) quy định:

Điều 16. Các hành vi bị nghiêm cấm (trích)

3. Hoạt động kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp mà không đăng ký hoặc tiếp tục kinh doanh khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp đang bị tạm dừng hoạt động kinh doanh.
4. Kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và nội dung hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.
5. Kê khai khống vốn điều lệ, không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; cố ý định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị.
6. Kinh doanh các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; kinh doanh ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh trong quá trình hoạt động.

3. Các loại hình doanh nghiệp



Dựa vào các thông tin và trường hợp trong bài, em hãy:

- Cho biết sự khác nhau về số lượng thành viên, chủ sở hữu của các loại hình doanh nghiệp.
- Cho biết ông K trong trường hợp 2 có thể cùng là chủ sở hữu chung công ty hợp danh không và giải thích vì sao.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022), có các loại hình doanh nghiệp sau: công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân.

Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Là doanh nghiệp có từ 2 đến 50 thành viên là tổ chức, cá nhân. Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
Công ty cổ phần	Là doanh nghiệp, trong đó vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần; cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần là cổ đông. Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
Công ty hợp danh	Là doanh nghiệp, trong đó có ít nhất 2 thành viên là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung gọi là thành viên hợp danh. Ngoài các thành viên hợp danh, công ty có thể có thêm thành viên góp vốn. Công ty hợp danh có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
Doanh nghiệp tư nhân	Là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Mỗi cá nhân chỉ được quyền thành lập một doanh nghiệp tư nhân. Chủ doanh nghiệp tư nhân không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh, thành viên hợp danh của công ty hợp danh.

Trường hợp 1

Anh A, anh B và anh C có ý định thành lập doanh nghiệp để kinh doanh dịch vụ vận tải. Họ cùng nhau trao đổi nhiều lần nhưng vẫn chưa lựa chọn được loại hình doanh nghiệp phù hợp. Do vậy, cả ba đã đến Văn phòng Luật sư để được tư vấn. Luật sư cho biết không thể chọn loại hình doanh nghiệp tư nhân vì loại hình doanh nghiệp này chỉ do một cá nhân làm chủ sở hữu. Theo luật sư, với số lượng thành viên là ba, các anh có thể chọn loại hình công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty hợp danh.

Trường hợp 2

Ông K là chủ một doanh nghiệp tư nhân. Bạn của ông K là ông P dự định thành lập công ty hợp danh nên đã mời ông cùng hợp tác. Vì chưa đủ số lượng thành viên để thành lập công ty hợp danh nên ông K đề xuất ông P cùng là chủ sở hữu của công ty. Tuy nhiên, ông K chỉ muốn là thành viên góp vốn. Dù đã có những tranh luận, nhưng cả hai vẫn chưa thể thống nhất, dẫn đến việc chưa thể thành lập công ty.

4. Thành lập, tổ chức, quản lí doanh nghiệp

* Thành lập doanh nghiệp



Dựa vào các thông tin và trường hợp trong bài, em hãy:

- Trình bày điều kiện, trình tự thành lập doanh nghiệp.
- Cho biết các chủ thể trong trường hợp 1, 2 đã vi phạm quy định nào về đăng kí thành lập doanh nghiệp và giải thích vì sao.

Thành lập doanh nghiệp là thủ tục pháp lí đầu tiên trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, đây là thủ tục hành chính được quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022). Để có thể thành lập, doanh nghiệp phải đáp ứng được những điều kiện nhất định và phải tiến hành theo trình tự thủ tục do pháp luật quy định.

• Điều kiện thành lập doanh nghiệp

Điều kiện thành lập doanh nghiệp

Điều kiện về chủ thể: tổ chức, cá nhân có quyền thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; trừ các cá nhân, tổ chức không có quyền thành lập doanh nghiệp như cán bộ, công chức, viên chức, người chưa thành niên, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, tổ chức là pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định,...

Vốn và tài sản: tài sản góp vốn là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kĩ thuật, tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam. Cá nhân, tổ chức thành lập phải góp đủ vốn trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, nếu không thì phải làm chuyển đổi vốn. Đối với một số ngành nghề bắt buộc phải có vốn pháp định, kĩ quỹ.

Tên và địa điểm trụ sở kinh doanh chính: tên doanh nghiệp phải thể hiện loại hình doanh nghiệp và tên riêng, không được đặt tên trùng hoặc dễ gây hiểu lầm với doanh nghiệp khác; không sử dụng tên riêng của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội để đặt tên cho doanh nghiệp. Trụ sở của doanh nghiệp phải đặt trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ liên lạc, số điện thoại, fax, thư điện tử (nếu có).

Ngành nghề kinh doanh: cá nhân, tổ chức được đăng kí kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm. Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì phải đáp ứng được điều kiện của từng ngành nghề theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ hợp lệ bao gồm các giấy tờ như: Giấy đề nghị đăng kí doanh nghiệp, Bản sao giấy tờ pháp lí của cá nhân đối với chủ doanh nghiệp tư nhân; Giấy đề nghị đăng kí doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Danh sách thành viên (hoặc cổ đông), Bản sao giấy tờ pháp lí của thành viên (hoặc cổ đông); Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư trong trường hợp là nhà đầu tư nước ngoài.

• Thủ tục đăng kí thành lập doanh nghiệp

Đăng kí thành lập là thủ tục hành chính đầu tiên để đưa doanh nghiệp vào hoạt động. Thủ tục đăng kí thành lập doanh nghiệp có các bước cơ bản sau:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Cá nhân, tổ chức đăng kí thành lập doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022) như Giấy đề nghị đăng kí doanh nghiệp, Điều lệ công ty, bản sao các giấy tờ pháp lí khác,...

Bước 2. Nộp hồ sơ đăng kí kinh doanh: Người đăng kí nộp hồ sơ tại Phòng Đăng kí kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng Đăng kí kinh doanh cấp tỉnh) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Bên cạnh đó, cá nhân, tổ chức có thể nộp hồ sơ thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng kí doanh nghiệp hoặc thông qua đường bưu chính. Người đăng kí phải nộp đủ lệ phí đăng kí doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Bước 3. Cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp: Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp khi ngành, nghề đăng kí không bị cấm đầu tư kinh doanh, hồ sơ đăng kí hợp lệ, đóng đầy đủ lệ phí đăng kí. Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp được cấp trong thời hạn ba ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp 1

Anh A và anh B thoả thuận cùng nhau góp vốn thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên AB với số vốn điều lệ là 100 tỉ đồng, trong đó, anh A cam kết góp vốn là 50 tỉ đồng. Sau khi được cơ quan đăng kí kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, anh A đã không góp đủ số vốn đã cam kết trong vòng 90 ngày. Điều này dẫn đến việc Công ty AB phải đăng kí thay đổi vốn điều lệ.

Trường hợp 2

Anh K là viên chức tại xã M, huyện H. Gia đình anh có một công ty sản xuất hàng thủ công mĩ nghệ. Do cha mẹ của anh muốn mở rộng sản xuất kinh doanh nên có ý định thành lập một công ty mới do anh đứng tên chủ sở hữu và điều hành doanh nghiệp. Anh K tiến hành các thủ tục đăng kí thành lập doanh nghiệp nhưng bị cơ quan quản lí về đăng kí kinh doanh từ chối hồ sơ vì không đủ điều kiện thành lập doanh nghiệp.

* Tổ chức, quản lí doanh nghiệp



Dựa vào các thông tin và trường hợp trong bài, em hãy:

- Cho biết việc làm của ông M có phù hợp với quy định về quản lí loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên không và giải thích vì sao.
- Nhận xét về việc làm của ông N trong trường hợp 2.

Việc quản lý, tổ chức doanh nghiệp có sự khác biệt giữa các loại hình doanh nghiệp và phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp:

– Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có số lượng thành viên từ 2 đến 50 thành viên là cá nhân hoặc tổ chức. Cơ cấu tổ chức có Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Công ty phải có ít nhất một người đại diện theo pháp luật là người giữ một trong các chức danh là Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật của công ty.

– Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ được tổ chức quản lý theo một trong hai mô hình là Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc mô hình Hội đồng thành viên, Giám đốc và Tổng giám đốc. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ được tổ chức quản lý theo mô hình Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trong đó, Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của công ty. Chủ sở hữu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có toàn quyền quyết định đối với các hoạt động của doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

– Công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình có hoặc không có Ban kiểm soát. Đối với mô hình có Ban kiểm soát, cơ cấu tổ chức bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc và Ban kiểm soát; đối với công ty có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc có Ban kiểm soát. Đối với mô hình cơ cấu tổ chức quản lý không có Ban kiểm soát, cơ cấu tổ chức bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; mô hình này yêu cầu ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của công ty; Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có nhiệm vụ điều hành công việc kinh doanh của công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm từ thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm; Ban kiểm soát có chức năng giám sát hoạt động của công ty và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông.

– Công ty hợp danh có Hội đồng thành viên với người đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng thành viên, đồng thời kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Đối với công ty hợp danh, Hội đồng thành viên là cơ quan có quyền quyết định cao nhất và chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ của công ty.

– Doanh nghiệp tư nhân do một cá nhân làm chủ, có toàn quyền quyết định đối với tất cả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp.

Tổ chức lại doanh nghiệp được hiểu là việc thay đổi về quy mô hoạt động, loại hình doanh nghiệp. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022), việc tổ chức lại doanh nghiệp được tiến hành theo những cách cơ bản sau:

Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022) quy định:

“– Khoản 1 Điều 198. Chia công ty

Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần có thể chia các tài sản, quyền và nghĩa vụ, thành viên, cổ đông của công ty hiện có để thành lập hai hoặc nhiều công ty mới.

– Điều 199. Tách công ty

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ, thành viên, cổ đông của công ty hiện có (sau đây gọi là công ty bị tách) để thành lập một hoặc một số công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần mới (sau đây gọi là công ty được tách) mà không chấm dứt tồn tại của công ty bị tách.

2. Công ty bị tách phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ, số lượng thành viên, cổ đông tương ứng với phần vốn góp, cổ phần và số lượng thành viên, cổ đông giảm xuống (nếu có); đồng thời đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được tách.

– Khoản 1 Điều 200. Hợp nhất công ty

Hai hoặc một số công ty có thể hợp nhất thành một công ty mới, đồng thời chấm dứt tồn tại của các công ty bị hợp nhất.

– Khoản 1 Điều 201. Sáp nhập công ty

Một hoặc một số công ty (sau đây gọi là công ty bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào một công ty khác (sau đây gọi là công ty nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của công ty bị sáp nhập.”

Trường hợp 1

Ông M là Giám đốc của Công ty Trách nhiệm hữu hạn KT (có 5 thành viên góp vốn). Trong quá trình điều hành doanh nghiệp, ông M tự mình quyết định hầu hết công việc của công ty. Thậm chí, ông còn tự ý thay đổi điều lệ của công ty mà không bàn bạc, thoả thuận, xin ý kiến của Hội đồng thành viên.

Trường hợp 2

Công ty Cổ phần M có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, trong đó quy định việc kí kết các hợp đồng trị giá trên 10 tỉ đồng thì phải có sự đồng ý của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, Giám đốc N đã làm trái quy định này vì cho rằng nếu chờ đợi sẽ làm mất đối tác tiềm năng. Sau đó, lô hàng được giao theo hợp đồng mà Giám đốc N tự ý kí kết bị trả về do không đảm bảo chất lượng.

5. Giải thể doanh nghiệp và tuyên bố phá sản



Dựa vào các thông tin và trường hợp trong bài, em hãy:

- Cho biết doanh nghiệp được phép giải thể khi đáp ứng những điều kiện nào.
- Cho biết việc làm của các chủ thể trong trường hợp 1, 2 có phù hợp với quy định về giải thể doanh nghiệp không và giải thích vì sao.

Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022) quy định:

“– Điều 207. Các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp bị giải thể trong trường hợp sau đây:

- Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
- Theo nghị quyết, quyết định của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của Hội đồng thành viên đối với công ty hợp danh, của Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần;
- Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
- Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lí thuế có quy định khác.

2. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Người quản lí có liên quan và doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

– Điều 210. Hồ sơ giải thể doanh nghiệp

1. Hồ sơ giải thể doanh nghiệp bao gồm giấy tờ sau đây:

- Thông báo về giải thể doanh nghiệp;

b) Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có).

2. Thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần, thành viên Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, chủ sở hữu công ty, chủ doanh nghiệp tư nhân, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, thành viên hợp danh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể doanh nghiệp.

3. Trường hợp hồ sơ giải thể không chính xác, giả mạo, những người quy định tại khoản 2 Điều này phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết, số thuế chưa nộp, số nợ khác chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 5 năm kể từ ngày nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh.

– Điều 211. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể

1. Kể từ khi có quyết định giải thể doanh nghiệp, doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp bị nghiêm cấm thực hiện các hoạt động sau đây:

- a) Cất giấu, tẩu tán tài sản;
- b) Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;
- c) Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp;
- d) Kí kết hợp đồng mới, trừ trường hợp để thực hiện giải thể doanh nghiệp;
- đ) Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;
- e) Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;
- g) Huy động vốn dưới mọi hình thức.

2. Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

– Điều 214. Phá sản doanh nghiệp

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.”

Trường hợp 1

Doanh nghiệp Y đã có quyết định giải thể từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Tuy nhiên, anh B (Giám đốc doanh nghiệp) đã bán một số tài sản của công ty như xe ô tô,

đồ nội thất,... hàng tẩu tán tài sản. Bên cạnh đó, anh còn kí kết một số hợp đồng mới sau khi đã có quyết định giải thể.

Trường hợp 2

Do bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn K buộc phải giải thể. Trong quá trình thực hiện hồ sơ giải thể, Giám đốc của công ty là anh T đã làm giả một số nội dung trong báo cáo thanh lí tài sản để cơ quan có thẩm quyền ra quyết định giải thể.

- Luật Doanh nghiệp là tổng thể các quy định pháp luật điều chỉnh về quyền, nghĩa vụ và các mối quan hệ xã hội phát sinh trong việc thành lập, tổ chức quản lí, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp, bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân.
- Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp:
 - + Doanh nghiệp có quyền tự do, tự chủ kinh doanh ngành nghề mà pháp luật không cấm; lựa chọn hình thức, ngành nghề, quy mô và địa bàn kinh doanh; tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng, sử dụng lao động, sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật.
 - + Doanh nghiệp có nghĩa vụ chấp hành đúng quy định của pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh, đăng kí doanh nghiệp; tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và các nghĩa vụ về tài chính; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động.
- Các loại hình doanh nghiệp:
 - + Công ty trách nhiệm hữu hạn:
 - Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên: là loại hình doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, không có quyền phát hành cổ phần, do từ 2 đến 50 thành viên là tổ chức hoặc cá nhân cùng góp vốn và chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.
 - Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: là loại hình doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, không có quyền phát hành cổ phần, do 1 tổ chức hoặc 1 cá nhân làm chủ sở hữu và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.
 - + Công ty cổ phần: là loại hình doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có chế độ trách nhiệm tài sản hữu hạn, có vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.

- + Công ty hợp danh: là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, gồm ít nhất 2 thành viên là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty. Công ty có thể có thêm thành viên góp vốn.
- + Doanh nghiệp tư nhân: là doanh nghiệp do 1 cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.
- Thành lập doanh nghiệp:
 - + Điều kiện thành lập doanh nghiệp: không thuộc trường hợp cấm thành lập doanh nghiệp, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ góp vốn; đáp ứng điều kiện về tên và trụ sở kinh doanh, ngành nghề kinh doanh và có đủ hồ sơ đăng kí theo quy định pháp luật.
 - + Thủ tục đăng kí thành lập doanh nghiệp:
 - Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ hợp lệ.
 - Bước 2: Nộp hồ sơ: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được uỷ quyền đăng kí thành lập doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng kí cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua Cổng thông tin quốc gia về đăng kí doanh nghiệp và đóng đủ phí, lệ phí theo quy định pháp luật.
 - Bước 3: Cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp: Trong thời hạn ba ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp tiến hành cấp Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp nếu hồ sơ hợp lệ, đúng quy định.
- Tổ chức, quản lí doanh nghiệp: tùy thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp.
- Các hình thức tổ chức lại doanh nghiệp: chia công ty; tách công ty; sáp nhập công ty; hợp nhất công ty.
- Giải thể, phá sản doanh nghiệp:
 - + Trường hợp doanh nghiệp giải thể: Doanh nghiệp kết thúc thời gian hoạt động ghi trong điều lệ nhưng không gia hạn; Giải thể theo quyết định của chủ doanh nghiệp, chủ sở hữu, nghị quyết của Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông; Công ty không đủ số thành viên tối thiểu nhưng không thực hiện thủ tục chuyển đổi liên tục 6 tháng; Bị thu hồi giấy phép kinh doanh trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- + Điều kiện giải thể: Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 207 Luật Doanh nghiệp năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2022) cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.
- + Hồ sơ giải thể doanh nghiệp: Thông báo về giải thể doanh nghiệp; Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có).
- + Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp: Thông qua nghị quyết, quyết định giải thể; Tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp; Thông báo, đăng tải, niêm yết nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp; Gửi hồ sơ giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh; Cập nhật tình trạng doanh nghiệp trên Cổng cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
- + Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định pháp luật về phá sản.



LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

- a. Doanh nghiệp chỉ được phép giải thể khi có sự đồng ý của chủ doanh nghiệp.
- b. Doanh nghiệp có nghĩa vụ chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.
- c. Doanh nghiệp đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án thì không được phép giải thể.
- d. Mọi người đều có quyền thành lập doanh nghiệp để thực hiện quyền tự do kinh doanh.
- e. Không thể chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên.
- g. Doanh nghiệp không được phép giao kết hợp đồng sau khi có quyết định giải thể doanh nghiệp.

2. Dựa vào quy định của Luật Doanh nghiệp, em hãy nhận xét hành vi của những chủ thể sau:

- a. Công ty Cổ phần M có 13 cổ đông nhưng không thành lập Ban kiểm soát.
- b. Ông K là chủ sở hữu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên D, thuê ông H làm Giám đốc và quản lý công ty.
- c. Công ty N thực hiện tẩu tán tài sản bằng các giao dịch về tặng cho trong quá trình đợi quyết định giải thể từ cơ quan có thẩm quyền.
- d. Công ty H mở rộng hoạt động kinh doanh vào địa bàn tỉnh K, nơi Công ty A đang hoạt động. Hành vi này đã bị Công ty A cho rằng Công ty H muốn giành thị trường của mình.
- e. Ông A cho rằng Luật Doanh nghiệp điều chỉnh tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động, quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên, ông B không đồng tình, cho rằng Luật Doanh nghiệp quy định về địa vị pháp lý và các loại hình doanh nghiệp.

3. Em hãy đọc các trường hợp sau và thực hiện yêu cầu.

- a. Do có nhiều sai phạm trong quá trình kinh doanh, Doanh nghiệp tư nhân Thẩm mỹ viện X đã bị Thanh tra Sở Y tế đình chỉ hoạt động 18 tháng. Hiện tại, doanh nghiệp này đã tháo biển hiệu nhưng vẫn tiếp tục thực hiện các dịch vụ chăm sóc da, thẩm mỹ, phun xăm cho khách hàng. Bà V – chủ doanh nghiệp – cho rằng vì được khách hàng tin tưởng nên bà vẫn tiếp tục hoạt động để đáp ứng nhu cầu của khách.
- b. Anh T là Giám đốc của Doanh nghiệp M. Trong quá trình kinh doanh, anh T có ý định mở thêm sổ theo dõi thu chi bên cạnh hồ sơ kế toán nộp cho cơ quan nhà nước nhằm giảm một phần thuế. Tuy nhiên, anh B (người đồng sáng lập Doanh nghiệp M) đã phản đối vì cho rằng đây là hành vi vi phạm pháp luật và có thể làm doanh nghiệp bị cơ quan có thẩm quyền xử lý.
- c. Chị C mở doanh nghiệp phân phối các loại nước giải khát. Nhằm tăng lợi nhuận, chị C đã thực hiện hành vi trộn lẫn các loại nước giải khát là hàng giả vào các loại nước giải khát có thương hiệu để bán cho khách hàng. Anh D (chồng chị C) đã phát hiện việc này và khuyên chị C không được làm như vậy vì đây là hành vi vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng.

Em hãy cho biết hành vi của những nhân vật trong các trường hợp trên có thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp không và nhận xét các hành vi này.

4. Em hãy đọc các trường hợp sau và thực hiện yêu cầu.

a. Anh A và chị E dự định góp vốn thành lập công ty cổ phần chuyên sản xuất bánh, kẹo từ dừa tại tỉnh K. Hiện tại, trên địa bàn có Công ty Cổ phần JK cũng kinh doanh bánh kẹo nổi tiếng nên anh A muốn đăng kí tên cho công ty của mình là Công ty Cổ phần JK2.

Em hãy nhận xét việc làm của anh A.

b. Công ty N có trụ sở chính tại tỉnh H, đăng kí kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách. Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp nhận thấy việc vận chuyển hàng hoá cũng là lĩnh vực tiềm năng nên ông K (chủ doanh nghiệp) muốn đăng kí thay đổi nội dung đăng kí doanh nghiệp từ dịch vụ vận tải hành khách sang vận tải hàng hoá. Tuy nhiên, ông E (bạn ông K) lại cho rằng hai lĩnh vực đều có liên quan đến vận tải nên không cần phải làm thủ tục thay đổi.

Em hãy cho biết Công ty N có phải thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng kí doanh nghiệp không và giải thích vì sao.

c. Công ty Trách nhiệm hữu hạn X có ba thành viên góp vốn là anh A (số vốn góp là 30% trên tổng số vốn), chị B (số vốn góp là 30% trên tổng số vốn) và ông C (số vốn góp là 40% trên tổng số vốn). Trong đó, ông C được giao làm Giám đốc công ty theo nghị quyết của Hội đồng thành viên. Trong quá trình hoạt động, ông C đã tự ý chỉnh sửa nội dung báo cáo tài chính hằng năm của công ty mà không thông qua Hội đồng thành viên.

Em hãy cho biết việc làm của ông C có phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp hay không và giải thích vì sao.

d. Trong quá trình tiến hành giải thể Công ty Cổ phần K, Giám đốc D tổ chức huy động vốn của các cổ đông dưới danh nghĩa tái đầu tư. Một số cổ đông không nắm được thông tin về việc doanh nghiệp đang thực hiện thủ tục giải thể nên đã đóng góp vốn.

Em hãy cho biết việc làm của Giám đốc D có phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp không và lí giải vì sao.



VẬN DỤNG

1. Em hãy thực hiện một sơ đồ thể hiện các bước của thủ tục thành lập hoặc giải thể doanh nghiệp và trình bày trước lớp.

2. Em hãy sưu tầm một số hoạt động thể hiện việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp tại địa phương em sinh sống và chia sẻ với các bạn trong lớp.

CHUYÊN ĐỀ 3

VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ



Yêu cầu cần đạt

- Bước đầu phân tích được những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế.
- Nêu được đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước.
- Nêu được những thành tựu và hạn chế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
- Nêu được một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.
- Trình bày được khái niệm công dân toàn cầu và các vấn đề hợp tác quốc tế, giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.



MỞ ĐẦU

Hội nhập kinh tế quốc tế đã trở thành xu thế của thời đại, diễn ra mạnh mẽ trên nhiều phương diện. Hội nhập kinh tế quốc tế đã mang lại những cơ hội và thách thức đối với các quốc gia. Đối với Việt Nam, hội nhập kinh tế quốc tế là con đường để rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với các nước khác và phát huy những lợi thế so sánh của mình. Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước đã xác định sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế và nhất quán đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế.

► **Lựa chọn một trong những mốc thời gian trong sơ đồ dưới đây để trình bày hiểu biết của em về sự kiện đó và nêu ý nghĩa của sự kiện đối với Việt Nam khi hội nhập quốc tế**



Đổi mới (1986)



ASEAN (28/7/1995)



WTO (11/1/2007)

1. Những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam khi hội nhập kinh tế quốc tế



Dựa vào thông tin trong bài, em hãy:

Cho biết các cơ hội và thách thức của Việt Nam khi hội nhập kinh tế quốc tế và cho ví dụ để làm rõ các cơ hội và thách thức đó.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, mang đến cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia. Các nước cũng đã điều chỉnh chiến lược và phương thức phát triển nhằm thích ứng với tình hình mới.

Trong những năm tới, dự báo tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có nhiều thay đổi rất nhanh, phức tạp, khó lường. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song cũng đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn, thách thức. Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế tiếp tục tiến triển, nhưng cũng đang bị đe dọa bởi sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, cạnh tranh chiến lược, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại diễn ra gay gắt. Khu vực châu Á – Thái Bình Dương tiếp tục có vị trí chiến lược ngày càng quan trọng. Tại Đông Nam Á, môi trường an ninh, tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông còn diễn biến phức tạp. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các vấn đề an ninh phi truyền thống khác, nhất là an ninh mạng, ngày càng tác động mạnh, nhiều mặt, đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển ổn định, bền vững của thế giới, khu vực và đất nước ta.

Hội nhập quốc tế đem đến cơ hội phát triển cho các quốc gia tham gia. Đối với Việt Nam, hội nhập kinh tế quốc tế đã tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội.

Từ khi đổi mới đến nay, Việt Nam đã chủ trương hội nhập quốc tế, bắt đầu từ hội nhập kinh tế và từng bước mở rộng ra các lĩnh vực khác. Nhờ hội nhập, Việt Nam đã mở rộng thị trường cho xuất, nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ; thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, các nguồn vốn, thành tựu khoa học – công nghệ, cơ hội việc làm và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Đẩy mạnh xuất nhập khẩu hàng hoá: Năm 2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hoá đạt 668,54 tỉ USD, tăng 22,6% so với năm 2020; tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hoá năm 2022 đạt mức kỉ lục là 732,5 tỉ USD, trong đó xuất siêu là 11,2 tỉ USD.

Việt Nam hiện đã trở thành một trong những điểm đến đầu tư hấp dẫn. Cùng với việc tham gia WTO và FTA, Việt Nam tiếp tục thu hút đều một lượng lớn FDI qua các năm. Đặc biệt năm 2020, Việt Nam nằm trong danh sách 20 quốc gia thu hút nhiều FDI nhất trên thế giới, đứng vị trí thứ 19 – tăng năm bậc so với năm 2019.

Hội nhập kinh tế quốc tế là tiền đề để hội nhập văn hoá, giúp Việt Nam tiếp thu những tinh hoa của nhân loại tiến bộ, có thêm điều kiện để nâng cao trình độ dân trí, xây dựng con người để phát triển đất nước; tạo cơ hội phát huy, quảng bá những giá trị văn hoá truyền thống đến bạn bè quốc tế.

Hội nhập kinh tế quốc tế đóng góp quan trọng vào việc mở rộng và đưa quan hệ của Việt Nam với các đối tác đi vào chiều sâu, góp phần gìn giữ môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Hội nhập quốc tế tạo cơ hội để Việt Nam thiết lập quan hệ với các nước trên thế giới, tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế theo phương châm “là bạn, đối tác tin cậy, thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”. Đến năm 2020, Việt Nam có 30 đối tác chiến lược và đối tác chiến lược toàn diện; có quan hệ ngoại giao với 189/193 nước, có quan hệ kinh tế với 160 nước và 70 vùng lãnh thổ. Việt Nam tham gia, trở thành thành viên của nhiều tổ chức quốc tế có uy tín, toàn cầu và khu vực như Liên hợp quốc (UN), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN),...

Hội nhập kinh tế giúp Việt Nam bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Với phương châm “Tích cực, chủ động, chắc chắn, linh hoạt, hiệu quả”, Việt Nam đẩy mạnh hội nhập quốc tế và đối ngoại về quốc phòng nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng quốc tế; duy trì môi trường hoà bình, hợp tác cùng phát triển. Đến nay, Việt Nam đã mở rộng và thiết lập quan hệ hợp tác với trên 100 quốc gia, trong đó có 3 nước quan hệ đối tác hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện (Cuba, Lào, Campuchia); 5 nước quan hệ đối tác chiến lược toàn diện (Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc, Mỹ); 13 nước quan hệ đối tác chiến lược; 12 nước quan hệ đối tác hợp tác toàn diện; 3 tổ chức quốc tế (Liên hợp quốc, EU, Tổ chức Thủy đặc quốc tế). Ngoài ra, Việt Nam cùng các quốc gia khác phối hợp giải quyết các vấn đề chung như tình trạng khan hiếm nguồn năng lượng, cạn kiệt tài nguyên, môi trường tự nhiên bị huỷ hoại; khí hậu diễn biến ngày càng xấu, kèm theo những thiên tai khủng khiếp; các dịch bệnh lớn, các tội phạm xuyên quốc gia.

Tuy nhiên bên cạnh thời cơ trong hội nhập kinh tế quốc tế Việt Nam vẫn còn thách thức sau:

Hội nhập quốc tế tạo nên cuộc cạnh tranh cam go và phức tạp giữa các nước trên thế giới. Hội nhập quốc tế khiến sức cạnh tranh của hàng hoá trên thị trường trở nên quyết liệt, tạo sức ép rất lớn đối với các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp quốc doanh, các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Hội nhập quốc tế còn làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo, tăng nguy cơ làm mất bản sắc văn hoá dân tộc và tác động tiêu cực đến lối sống, đạo đức.

Việt Nam cũng đối diện với nhiều thách thức như sức ép cạnh tranh trên thị trường nội địa; yêu cầu khắt khe về quy tắc xuất xứ; quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật; môi trường; quy trình công nghệ; các doanh nghiệp thiếu thông tin về Hiệp định EVFTA. Mở cửa thị trường Việt Nam cho hàng hoá, dịch vụ từ EU đồng nghĩa với việc doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải cạnh tranh khó khăn hơn ngay tại thị trường nội địa. Trên thực tế, đây là một thách thức rất lớn, bởi các doanh nghiệp EU có lợi thế hơn hẳn các doanh nghiệp Việt Nam về năng lực cạnh tranh, kinh nghiệm thị trường cũng như khả năng tận dụng các FTA.

2. Chủ trương, chính sách và một số biện pháp, chính sách nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế



Dựa vào thông tin trong bài, em hãy:

- Phân tích và làm rõ chủ trương, chính sách về hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước.
- Cho biết các biện pháp, chính sách được đề cập nhằm giải quyết vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Hãy cho biết các biện pháp, chính sách khác của Việt Nam mà em biết.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại. Đảng khẳng định: “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả vì lợi ích quốc gia – dân tộc” và xác định các mục tiêu cụ thể hướng tới những dấu mốc phát triển quan trọng của đất nước ta trong những thập niên sắp tới:

- Đến năm 2025: Là nước đang phát triển có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.
- Đến năm 2030: Là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.
- Đến năm 2045: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Đối với hội nhập kinh tế quốc tế, Đảng đã xác định các đường lối, chính sách được thể hiện như:

Thứ nhất, hội nhập kinh tế quốc tế là do yêu cầu nội sinh, do yêu cầu xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, hội nhập kinh tế quốc tế là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị.

Thứ ba, hội nhập kinh tế quốc tế phải gắn liền với việc giữ vững độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước; khẳng định mở cửa, hội nhập để khai thác các mặt có lợi cho sự phát triển kinh tế của ta từ nền kinh tế thế giới.

Thứ tư, chúng ta chủ động hội nhập, dựa vào nguồn lực trong nước là chính, đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài. Xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả.

Thứ năm, chúng ta phải nhanh chóng điều chỉnh cơ cấu thị trường, xây dựng đồng bộ thị trường trong nước (thị trường hàng hoá, thị trường nhân lực, thị trường tiền tệ, thị trường bất động sản), để đủ sức hội nhập với khu vực và hội nhập toàn cầu, xử lý đúng đắn lợi ích giữa ta và các đối tác.

Thứ sáu, song song với việc xây dựng, phát triển đồng bộ thị trường, chúng ta phải nhanh chóng xây dựng các doanh nghiệp vững mạnh. Doanh nghiệp là đội quân xung kích vô cùng quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế.

Thứ bảy, chủ động tham gia cộng đồng thương mại thế giới, tích cực tham gia đàm phán thương mại, tham gia các diễn đàn, các tổ chức, các hiệp định, định chế quốc tế một cách chọn lọc với những bước đi tinh táo và thích hợp.

Để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam cần thực hiện một số biện pháp và chính sách nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hoá, xã hội như:

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò các cơ quan quản lý nhà nước trong hội nhập kinh tế quốc tế, tập hợp sức mạnh toàn dân, bảo đảm an ninh chính trị, an ninh cơ sở, xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh.

Rà soát, củng cố, hoàn thiện một cách căn bản thể chế thực thi và giám sát thực hiện các nghị quyết, chủ trương liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế.

Chủ động và tích cực hơn trong việc tham gia các thể chế đa phương, lựa chọn đối tác và xây dựng phương án đàm phán với từng đối tác.

Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Có chính sách phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý.

Gắn hội nhập kinh tế quốc tế với củng cố an ninh quốc phòng.

Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 của Chính phủ Về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023 – 2030 đã xác định quan điểm: “Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước đối với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, chú trọng tiếp tục đổi mới tư duy, cách làm, quyết liệt, đồng bộ, thống nhất trong hành động, giữ vững độc lập, tự chủ trong việc xác định chủ trương, đường lối chiến lược phát triển kinh tế của đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, bảo vệ vững chắc an ninh và toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường. Tạo điều kiện, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp Việt Nam lớn mạnh trở thành nòng cốt của kinh tế đất nước. Đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ kinh tế quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế đảm bảo lợi ích quốc gia – dân tộc”.

3. Những thành tựu và hạn chế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam



Dựa vào thông tin trong bài, em hãy:

- Nêu những kết quả đạt được về hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Từ đó, cho biết những mặt tích cực mà hội nhập kinh tế quốc tế đã tác động đến kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của đất nước.
- Cho biết Việt Nam có những hạn chế nào khi hội nhập kinh tế quốc tế. Em hãy lấy ví dụ làm rõ những hạn chế đối với Việt Nam.

Quan hệ đối ngoại

Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 189/193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc. Đảng Cộng sản Việt Nam đã thiết lập quan hệ với 247 chính đảng ở 111 quốc gia, Quốc hội Việt Nam có quan hệ với Quốc hội, Nghị viện của hơn 140 nước.

Việt Nam là thành viên tích cực và có trách nhiệm của hơn 70 tổ chức, diễn đàn quốc tế quan trọng như Liên hợp quốc, ASEAN, APEC, ASEM, WTO,...

Kinh tế

Việt Nam có hơn 500 hiệp định song phương và đa phương trên nhiều lĩnh vực. Trong đó, Việt Nam tham gia vào 17 hiệp định thương mại tự do (FTA); thiết lập quan hệ kinh tế với khoảng 230 nước và vùng lãnh thổ, cũng như là đối tác chiến lược của 17 quốc gia (trong đó có 4 đối tác chiến lược toàn diện, 13 đối tác toàn diện),...

Một số hiệp định thương mại song phương của Việt Nam với các quốc gia trên thế giới được kí kết, như: Hiệp định Đối tác kinh tế Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA, năm 2009), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Chile (VCFTA, năm 2011), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA, năm 2015), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Kinh tế Á – Âu (EAEU, năm 2016).

Việt Nam tiếp tục được thúc đẩy thông qua việc hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) vào cuối năm 2015, CPTPP (năm 2016), EVFTA (năm 2020), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP, năm 2020), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam, Anh và Bắc Ireland (UKVFTA, năm 2020).

Đến đầu năm 2022, Việt Nam đã tham gia và đang đàm phán 17 FTA, trong đó, có 15 FTA có hiệu lực và đang thực thi cam kết, 2 FTA đang đàm phán (FTA giữa Việt Nam và Khối thương mại tự do châu Âu (EFTA FTA), FTA Việt Nam – Israel)

Chính trị

Việt Nam đã trở thành quốc gia tích cực đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương, sẵn sàng đóng góp có trách nhiệm vào công việc của thế giới với vị thế ngày càng cao, góp phần gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Việt Nam tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế lớn và hoàn thành nhiều trọng trách quốc tế quan trọng với tư cách Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Chủ tịch luân phiên ASEAN, chủ nhà Hội nghị cấp cao ASEM, Hội nghị thượng đỉnh APEC, Diễn đàn Kinh tế thế giới về ASEAN,...

Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện phù hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại, định hướng xã hội chủ nghĩa.

Văn hoá – xã hội

Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đạt nhiều thành tựu, tạo động lực phát triển kinh tế – xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Khoa học và công nghệ từng bước khẳng định vai trò là động lực trong phát triển kinh tế – xã hội.

Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Tăng cường hợp tác quốc tế và văn hoá, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam đến cộng đồng quốc tế.

Vào năm 2019, Việt Nam đứng thứ 83/128 nước trong xếp hạng các nước an toàn nhất; xếp thứ 94/156 nước trong Bảng xếp hạng quốc gia hạnh phúc.

Việc cải cách thể chế kinh tế vẫn chưa đáp ứng và theo kịp các yêu cầu của việc thực thi cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Việc đẩy mạnh quá trình đàm phán, kí kết và thực hiện các cam kết quốc tế chưa tạo sức ép đổi mới trong nước, nhất là về thể chế kinh tế, cải cách hành chính,... Việc điều chỉnh chính sách thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế trong nhiều trường hợp còn thiếu chủ động, chưa đồng bộ.

Sức cạnh tranh của nền kinh tế, doanh nghiệp và sản phẩm mặc dù đã được cải thiện nhưng vẫn còn yếu so với thế giới, kể cả các nước trong khu vực. Hiệu quả tận dụng cơ hội, lợi ích từ các cam kết quốc tế trong một số lĩnh vực như khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo,... còn hạn chế. Mặc dù Việt Nam có số lượng doanh nghiệp khá lớn, nhưng vốn nhỏ, trình độ công nghệ thấp hơn. Một số doanh nghiệp chưa có khả năng tham gia chuỗi sản xuất toàn cầu. Ngoài ra, trên thực tế còn có hiện tượng cạnh tranh lẫn át giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Foreign Direct Investment – FDI) và doanh nghiệp trong nước.

Xuất khẩu của Việt Nam trong giai đoạn vừa qua phát triển chưa bền vững, tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu lớn, những mặt hàng xuất khẩu chủ lực vẫn còn phụ thuộc vào một vài thị trường trọng điểm nên tiềm ẩn rủi ro lớn khi các thị trường này có biến động. Một số sản phẩm gặp khó khăn trong cạnh tranh, cơ cấu hàng xuất khẩu còn nghèo nàn.

4. Công dân toàn cầu và các vấn đề hợp tác quốc tế, giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế

a. Khái niệm công dân toàn cầu



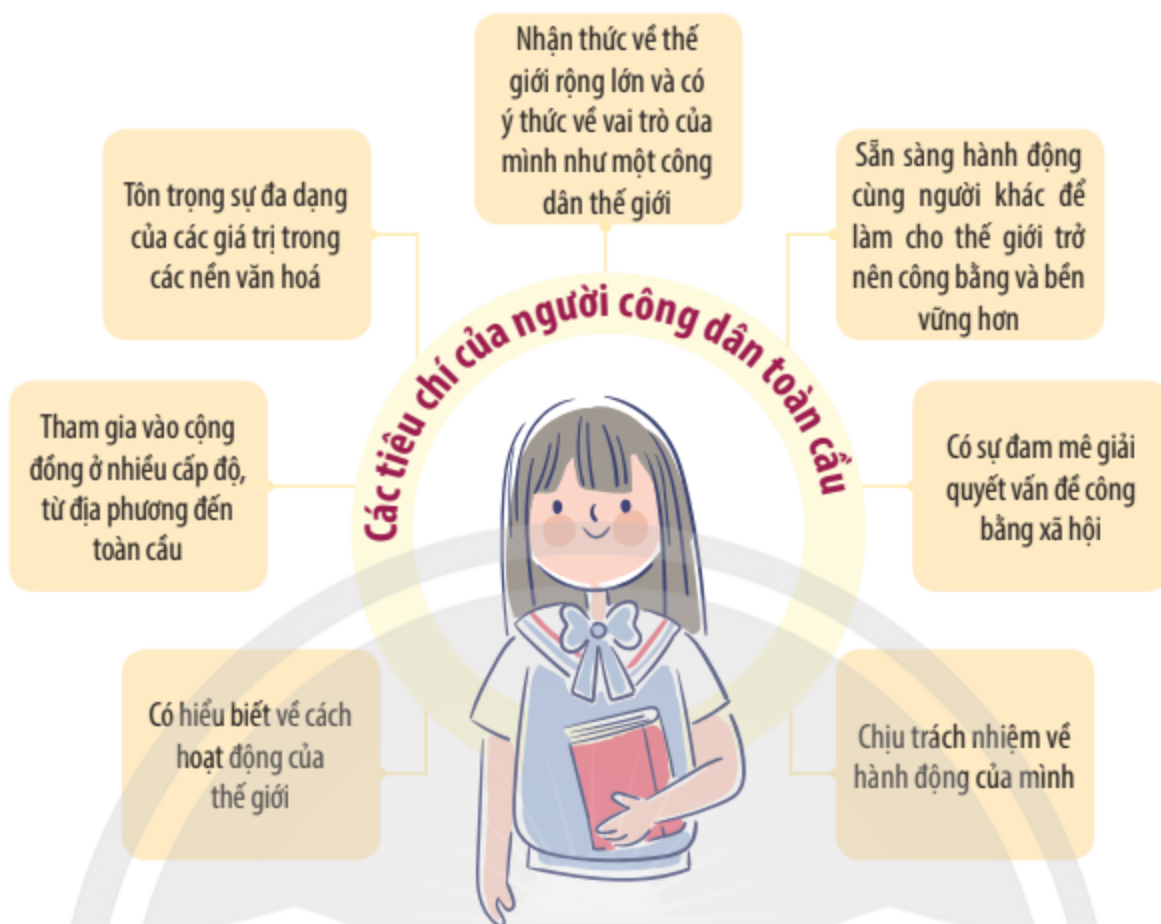
Dựa vào thông tin trong bài, em hãy:

Xác định những yêu cầu cụ thể về kiến thức, kĩ năng, thái độ cần rèn luyện để trở thành công dân toàn cầu và cho ví dụ minh họa.

Theo định nghĩa của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO), công dân toàn cầu đề cập đến cảm nhận thuộc về một cộng đồng rộng lớn và có tính nhân văn chung; nhấn mạnh mối liên kết lẫn nhau và sự phụ thuộc lẫn nhau về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá giữa địa phương, quốc gia và toàn cầu.

Theo Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), công dân toàn cầu là người hiểu về các kết nối, tôn trọng sự đa dạng, không chấp nhận, chống lại sự bất công và thực hiện các hành động có ý nghĩa.

Oxfam Education quan niệm: công dân toàn cầu là người am hiểu sâu sắc về nhu cầu giải quyết sự bất công, bất bình đẳng và luôn mong muốn, có khả năng làm việc tích cực để giải quyết vấn đề đó.



b. Các vấn đề hợp tác quốc tế và giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế



Dựa vào thông tin trong bài, em hãy:

Cho biết các nguyên tắc giải quyết các xung đột quốc tế về kinh tế. Lấy ví dụ làm rõ cách giải quyết các xung đột quốc tế về kinh tế đó.

Hợp tác quốc tế hoặc hợp tác giữa các quốc gia là việc các quốc gia trên toàn thế giới cùng nhau chung sức, góp sức để cùng phát triển một lĩnh vực nào đó với cùng chung một mục đích, không chống phá hoặc phá hoại lợi ích của nhau. Các quốc gia có nghĩa vụ tiến hành hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề kinh tế, văn hoá, xã hội và nhân đạo trong phạm vi quốc tế, đồng thời duy trì hoà bình và an ninh quốc tế bằng cách tiến hành các biện pháp có hiệu quả.

Có 5 cấp độ trong quan hệ đối tác giữa các quốc gia trên thế giới:

- 1) Có quan hệ đối tác, là đối tác khi có quan hệ ngoại giao và có các vụ việc trong hợp tác quốc tế;
- 2) Đối tác toàn diện: có quan hệ ngoại giao và có hợp tác quốc tế trên nhiều lĩnh vực;
- 3) Đối tác chiến lược: có quan hệ ngoại giao và có hợp tác quốc tế trên nhiều lĩnh vực có thể chế và chính sách được thiết lập hoàn chỉnh;

4) Đối tác chiến lược toàn diện: có quan hệ ngoại giao và thừa nhận sự tương đồng trong tổ chức xã hội, chính quyền và đối ngoại nhân dân trên cơ sở tôn trọng độc lập và toàn vẹn lãnh thổ;

5) Đối tác đặc biệt: có quan hệ ngoại giao và có hợp tác quốc tế sâu rộng, chiến lược.

Xung đột quốc tế về kinh tế là sự tương tác có tính cưỡng bức, được thể hiện rõ giữa các quốc gia, các cộng đồng đối kháng, làm gián đoạn hoặc xung đột với nhau về quyền lợi hay hoạt động kinh tế. Những năm gần đây, chỉ trong khu vực châu Á đã xảy ra hàng loạt các cuộc xung đột quốc tế về kinh tế với quy mô, mức độ và tính chất khác nhau: biểu hiện qua sự bao vây, cấm vận thương mại; phong toả hàng hoá; thiết lập hàng rào thuế quan, bảo hộ hàng hoá; độc quyền sản xuất, phương pháp bán hàng;... Trong bối cảnh toàn cầu hoá về kinh tế, thương mại đang diễn ra mạnh mẽ, những cuộc xung đột kinh tế sẽ còn tiếp diễn với mức độ và quy mô lớn hơn.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, việc kí kết hoặc gia nhập các điều ước quốc tế là cấp thiết giữa các quốc gia. Chính vì vậy, hiện tượng xung đột khi thực hiện các điều ước quốc tế của một quốc gia là điều không tránh khỏi. Khoản 4 Điều 3 Luật Điều ước quốc tế năm 2016 đặt ra nguyên tắc cơ bản khi kí kết và thực hiện điều ước quốc tế là “tuân thủ điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”.

Để giải quyết xung đột, các quốc gia cần thực hiện các nguyên tắc sau: Ứng phó và xử lí thích hợp đối với thực tiễn quan hệ quốc tế về kinh tế; Đề xuất huỷ bỏ điều khoản xung đột hoặc yêu cầu chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế song phương về tự do thương mại; Vận dụng các quy định về hiệu lực của điều ước quốc tế trong kí kết và thực hiện điều ước quốc tế; Kết hợp đàm phán chính trị và ngoại giao để giải quyết.

– Những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam khi hội nhập kinh tế quốc tế:

+ Những cơ hội đối với Việt Nam khi hội nhập kinh tế quốc tế:

- Tạo điều kiện mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học – công nghệ, vốn, kinh nghiệm quản lí;
- Tạo cơ hội nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chất lượng nền kinh tế;
- Tạo điều kiện thúc đẩy hội nhập các lĩnh vực khác như văn hoá, chính trị, an ninh – quốc phòng,...

+ Những thách thức đối với Việt Nam khi hội nhập kinh tế quốc tế:

- Gia tăng sự cạnh tranh trong nền kinh tế;
- Gia tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế quốc gia vào thị trường bên ngoài;
- Gia tăng khoảng cách giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội;
- Gia tăng nguy cơ bản sắc văn hoá dân tộc bị ảnh hưởng, xói mòn,...
- Gia tăng thách thức về an ninh quốc gia.

- Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế:
 - + Hội nhập kinh tế quốc tế là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, phải gắn liền với việc giữ vững độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước, cần chủ động hội nhập, dựa vào nguồn lực trong nước là chính, đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài.
 - + Các biện pháp, chính sách cụ thể: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò quản lí của nhà nước, chủ động và tích cực tham gia hội nhập, gắn hội nhập kinh tế với củng cố an ninh, quốc phòng, phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam.
- Những thành tựu và hạn chế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam:
 - + Thành tựu: mở rộng quan hệ kinh tế với các nước, các tổ chức kinh tế; mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, tăng thu hút đầu tư; nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp; bảo đảm ổn định xã hội, an ninh quốc phòng và vị thế quốc tế của đất nước.
 - + Hạn chế: năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung còn thấp; cơ chế chỉ đạo, điều hành, phối hợp thực hiện và giám sát quá trình hội nhập từ Trung ương đến địa phương, giữa các ban, ngành còn nhiều bất cập; chất lượng nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng chậm được cải thiện; năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, doanh nhân chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập.
- Công dân toàn cầu và các vấn đề hợp tác quốc tế và giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế:
 - + Công dân toàn cầu được hiểu là người có tư duy và tầm nhìn mang tính toàn cầu để có thể đáp ứng, thích nghi với điều kiện làm việc ở những môi trường đa văn hoá và ở những quốc gia khác nhau.
 - + Các vấn đề hợp tác quốc tế và giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế: Giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá theo nguyên tắc ứng phó và xử lí thích hợp đối với thực tiễn quan hệ quốc tế về kinh tế, đề xuất huỷ bỏ điều khoản xung đột hoặc yêu cầu chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế song phương về tự do thương mại, vận dụng các quy định về hiệu lực của điều ước quốc tế trong kí kết và thực hiện điều ước quốc tế, kết hợp đàm phán chính trị và ngoại giao để giải quyết.



LUYỆN TẬP

1. Em hãy bình luận về các nhận định sau:

- a. Khi hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam có cơ hội khai thác tối ưu lợi thế quốc gia trong phân công lao động quốc tế.

b. Hội nhập kinh tế quốc tế giúp doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận với thị trường quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh.

c. Sự xâm nhập của văn hoá nước ngoài vào Việt Nam sẽ làm giàu đẹp hơn văn hoá dân tộc ở mọi góc độ.

d. Hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế.

e. Trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, xung đột về kinh tế là không thể tránh khỏi, nhưng đây vừa là cơ hội, vừa là thách thức để các quốc gia cùng nhau trao đổi và thống nhất cách giải quyết những vấn đề toàn cầu.

2. Em hãy tìm hiểu những cơ hội và thách thức ở địa phương khi hội nhập kinh tế quốc tế. Từ đó, cho biết những cơ hội và thách thức đối với bản thân và người lao động tại địa phương em.

3. Em hãy thực hiện bài thuyết trình về những thành tựu của hội nhập kinh tế quốc tế ở địa phương.

4. Em hãy xử lí tình huống sau:

Bạn A chia sẻ ý kiến rằng: “ChatGPT xuất hiện đã làm thay đổi cục diện của nền kinh tế thế giới. Hiện nay, nếu không tìm hiểu và học cách sử dụng ChatGPT đúng cách, con người sẽ dần dần bị ChatGPT thay thế. ChatGPT có thể giúp thúc đẩy vấn đề hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, giáo dục, xã hội,... giữa các quốc gia, góp phần đưa ra cách giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hoá và những ai làm chủ được ChatGPT sẽ hội nhập kinh tế quốc tế một cách dễ dàng. Ngoài ra, ChatGPT còn là hình mẫu của một người công dân toàn cầu mà ai cũng khao khát hướng đến bởi sự hiểu biết “khổng lồ” và các tính năng “ưu việt” mà nó mang đến”.

Em có đồng tình với ý kiến của bạn A không? Vì sao?



VẬN DỤNG

Em hãy lựa chọn và thực hiện bài thuyết trình về những cơ hội và thách thức khi Việt Nam kí kết một hiệp định kinh tế.

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

THUẬT NGỮ	GIẢI THÍCH	TRANG
Cải cách hành chính	Hệ thống những chủ trương, biện pháp tiến hành những sửa đổi, cải tiến mang tính cơ bản và có hệ thống nền hành chính nhà nước (hay còn gọi là nền hành chính công, nền hành chính quốc gia) về các mặt: thể chế, cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động, chế độ công vụ, quy chế công chức, năng lực, trình độ, phẩm chất phục vụ của đội ngũ công chức làm việc trong bộ máy đó.	38
Cổ đông	Cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.	19, 20, 22,...
Cổ phần	Đơn vị nhỏ nhất được chia từ vốn điều lệ.	17, 18, 19,...
Đầu tư	Bỏ nhân lực, vật lực, tài lực vào công việc gì, trên cơ sở tính toán hiệu quả kinh tế, xã hội.	10, 11, 17,...
Góp vốn	Việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty, bao gồm góp vốn để thành lập công ty hoặc góp thêm vốn điều lệ của công ty đã được thành lập.	18, 19, 20,...
Kim ngạch xuất khẩu	Tổng giá trị xuất khẩu (lượng tiền thu được) của hàng hoá xuất khẩu của doanh nghiệp (quốc gia) trong một khoảng thời gian nhất định (quý hoặc năm), được quy đổi ra một loại đơn vị tiền tệ nhất định.	38
Ngoại tệ	Đồng tiền của quốc gia, vùng lãnh thổ khác hoặc đồng tiền chung châu Âu và đồng tiền chung khác được sử dụng trong thanh toán quốc tế và khu vực.	20
Phá sản	Tình trạng của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán và bị Toà án nhân dân ra quyết định tuyên bố phá sản.	24, 25, 27,...
Toàn cầu hoá	Quá trình mở rộng phổ biến và các mối liên hệ sản xuất của giao tiếp và của công nghệ ra khắp thế giới.	7, 8, 9,...
Tư cách pháp nhân	Tư cách pháp lí được Nhà nước công nhận cho một tổ chức (nhóm người) có khả năng tồn tại, hoạt động độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật.	19, 26, 27,...
Vốn điều lệ	Tổng giá trị tài sản do các thành viên công ty, chủ sở hữu công ty đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng kí mua khi thành lập công ty cổ phần.	18, 19, 21,...

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN LÊ NHẤT VY – NGUYỄN QUỐC HƯNG

Biên tập kĩ – mỹ thuật: LÂM NGUYỄN LAN TRINH

Thiết kế sách: LÂM NGUYỄN LAN TRINH

Trình bày bìa: TÔNG THANH THẢO

Sửa bản in: NGUYỄN LÊ NHẤT VY

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền © (2024) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 12
(CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)**

Mã số:

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB:

Số QĐXB:..... ngày.... tháng.... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng.... năm 20....

Mã số ISBN:



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Toán 12, Tập một
2. Toán 12, Tập hai
3. Chuyên đề học tập Toán 12
4. Ngữ văn 12, Tập một
5. Ngữ văn 12, Tập hai
6. Chuyên đề học tập Ngữ văn 12
7. Tiếng Anh 12
Friends Global – Student Book
8. Lịch sử 12
9. Chuyên đề học tập Lịch sử 12
10. Địa lí 12
11. Chuyên đề học tập Địa lí 12
12. Giáo dục kinh tế và pháp luật 12
13. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12
14. Vật lí 12
15. Chuyên đề học tập Vật lí 12
16. Hoá học 12
17. Chuyên đề học tập Hoá học 12
18. Sinh học 12
19. Chuyên đề học tập Sinh học 12
20. Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng
21. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng
22. Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính
23. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính
24. Âm nhạc 12
25. Chuyên đề học tập Âm nhạc 12
26. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (1)
27. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (2)
28. Giáo dục quốc phòng và an ninh 12

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

